

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG QUỐC TẾ HOÀNG PHÁT
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG QUỐC TẾ HOÀNG PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HOANG PHAT INTERNATIONAL CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HOANG PHAT ICI .,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108959634

3. Ngày thành lập: 24/10/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 58, Ngách 322/158 Đường Mỹ Đình, Tổ dân phố 12 Nhân Mỹ, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024 66527861

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi; - Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng; - Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp; - Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động; - Bán buôn dây điện, công tắc và thiết bị lắp đặt khác cho mục đích công nghiệp; - Bán buôn vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế; - Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; - Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác; - Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; - Bán buôn máy móc được điều khiển bằng máy vi tính cho công nghiệp dệt may; - Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường	4659
2.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
3.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
4.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
5.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước Chi tiết: - Khai thác, sử dụng tài nguyên nước cho sinh hoạt; - Khai thác, sử dụng tài nguyên nước để sản xuất nông nghiệp.	3600

6.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
7.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (Không bao gồm thiết bị phát, thu-phát sóng vô tuyến điện và không bao gồm hạ tầng viễn thông và thiết lập mạng)	6311
8.	Cổng thông tin (Không bao gồm hoạt động báo chí)	6312
9.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
10.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
11.	Bán buôn thực phẩm	4632
12.	Bán buôn đồ uống (Trừ kinh doanh dịch vụ quán bar, karaoke, vũ trường)	4633
13.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (Không bao gồm hoạt động của các nhà báo độc lập)	9000
14.	Hoạt động của các cơ sở thể thao Chi tiết: - Tổ chức và điều hành các sự kiện thể thao chuyên nghiệp và nghiệp dư trong nhà và ngoài trời của các nhà tổ chức sở hữu các cơ sở đó; - Gồm cả việc quản lý và cung cấp nhân viên cho hoạt động của các cơ sở này.	9311
15.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
16.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: - Tư vấn du học; - Tư vấn giáo dục (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính).	8560
17.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại - Dạy máy tính.	8559
18.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5630
19.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Trừ kinh doanh dịch vụ quán bar, karaoke, vũ trường)	5610
20.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Trừ kinh doanh dịch vụ quán bar, karaoke, vũ trường)	5510
21.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô cố định; - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; - Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng ô tô; - Vận tải hành khách bằng xe buýt.	4932
22.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hoá bằng ô tô	4933

23.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định; - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng chuyên; - Kinh doanh vận chuyển khách du lịch; - Kinh doanh vận tải hành khách ngang sông.	5021
24.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa	5022
25.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
26.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
27.	Vận tải hành khách đường sắt	4911
28.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
29.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
30.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
31.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
32.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
33.	Phá dỡ	4311
34.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
35.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: - Kinh doanh lữ hành nội địa; - Kinh doanh lữ hành quốc tế.	7912
36.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
37.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
38.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
39.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
40.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
41.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
42.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
43.	Lập trình máy vi tính	6201
44.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
45.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: Khắc phục sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm	6209
46.	Xuất bản phần mềm	5820
47.	Bán buôn tổng hợp (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4690
48.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi (Trừ loại đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội)	3240
49.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729

50.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
51.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
52.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác Chi tiết: Phô tô chuẩn bị tài liệu	8219
53.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
54.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá	8299
55.	Hoạt động làm thuê công việc gia đình trong các hộ gia đình	9700
56.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
57.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
58.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
59.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
60.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
61.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác ; Bán buôn dụng cụ y tế ; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh ; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện ; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự ; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm ; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao	4649
62.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ kinh doanh vàng miếng và vàng nguyên liệu)	4662
63.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Loại trừ: bán buôn thuốc lá, bán buôn các chế phẩm từ thuốc lá, bán buôn động vật nhà nước cấm kinh doanh)	4620
64.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
65.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
66.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
67.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
68.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393

69.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Khảo sát địa hình, khảo sát địa chất công trình; - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình, bao gồm: Thiết kế kiến trúc công trình; thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp; thiết kế cơ - điện công trình; thiết kế cấp - thoát nước công trình; thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật; - Giám sát thi công xây dựng công trình.	7110
70.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: - Hoạt động cho thuê lại lao động; - Hoạt động dịch vụ đưa người lao động ra nước ngoài.	7830(Chính)
71.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Hoạt động dịch vụ việc làm	7810
72.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
73.	Hoạt động nhiếp ảnh	7420
74.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
75.	Quảng cáo (Trừ quảng cáo thuốc lá, hoạt động báo chí)	7310
76.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
77.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
78.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
79.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
80.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
81.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên	0910
82.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
83.	Sản xuất mô tô, xe máy	3091
84.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Loại trừ hoạt động đầu giá)	4543
85.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
86.	Bán mô tô, xe máy (Loại trừ hoạt động đầu giá)	4541
87.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Loại trừ hoạt động đầu giá)	4530
88.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Loại trừ hoạt động đầu giá)	4513
89.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Loại trừ hoạt động đầu giá)	4511

90.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
91.	Cho thuê xe có động cơ	7710
92.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chẻ biến ; Bán buôn xi măng ; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi ; Bán buôn kính xây dựng ; Bán buôn sơn, véc ni ; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh ; Bán buôn đồ ngũ kim	4663
93.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
94.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
95.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
96.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
97.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
98.	Đào tạo sơ cấp	8531
99.	Đào tạo trung cấp	8532
100.	Đào tạo cao đẳng	8533
101.	Giáo dục nhà trẻ	8511
102.	Giáo dục mẫu giáo	8512
103.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
104.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
105.	Xây dựng công trình điện	4221
106.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
107.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
108.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
109.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
110.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
111.	Xây dựng nhà để ở	4101
112.	Xây dựng nhà không để ở	4102
113.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Loại trừ hoạt động đấu giá, môi giới chứng khoán, bảo hiểm Chi tiết: - Đại lý bán hàng hoá; - Môi giới mua bán hàng hoá.	4610
114.	Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sửa chữa xe đạp, quần áo, đồ trang sức, đồng hồ, dây, hộp đồng hồ...; Sửa chữa dụng cụ thể dục thể thao (trừ súng thể thao); Sửa chữa nhạc cụ, sách, đồ dùng cá nhân và gia đình khác.	9529

115.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt Chi tiết: - Vệ sinh bên ngoài cho tất cả các công trình, bao gồm các văn phòng, nhà máy, cửa hàng, cơ quan và các khu nhà đa mục tiêu khác; - Dịch vụ vệ sinh chuyên nghiệp cho khu nhà như làm sạch cửa sổ, làm sạch ống khói hoặc vệ sinh lò sưởi, lò thiêu, nồi cất, ống thông gió, các bộ phận của ống; - Vệ sinh bể bơi hoặc bảo dưỡng; - Vệ sinh máy móc công nghiệp; - Vệ sinh tàu hỏa, xe buýt máy bay...; - Vệ sinh đường xá; - Dịch vụ tẩy uế và diệt trùng.	8129
116.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
117.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
118.	Xây dựng công trình thủy	4291
119.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
120.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
121.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Không bao gồm hoạt động chia tách đất và cải tạo đất)	4299
122.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: - Cho thuê máy móc và thiết bị nông lâm nghiệp không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc và thiết bị xây dựng và kỹ thuật dân dụng không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc và thiết bị văn phòng không kèm người điều khiển	7730
123.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 500.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRẦN THỊ THU HƯƠNG	Phòng 110, Tòa nhà A2, Tổ 16, Đường Cầu Diễn, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	10,000	026172001850	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	50.000	500.000.000	10,000		
2	LÝ THU HẰNG	Số 25, Ngõ 389/17, Tổ 42, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	10,000	B7163177	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	50.000	500.000.000	10,000		

3	NGUYỄN THỊ KIM HOA	Phòng 1710, N09 B1, Tô 39 Dự án tại khu đô thị mới Dịch Vọng, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	10,000	013263947
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	50.000	500.000.000	10,000	
4	NGUYỄN MẠNH HÙNG	Số 160 Tổ 9, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	162.500	1.625.000.000	32,500	013263948
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	162.500	1.625.000.000	32,500	
5	LÝ QUỐC HUY	P203-V31 T/T Voi Phục ĐHT, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	162.500	1.625.000.000	32,500	001081003703
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	162.500	1.625.000.000	32,500	

6	PHẠM THUY TRANG	310 Nhà N01 Khu 5.3ha, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	25.000	250.000.000	5,000	013501247
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	25.000	250.000.000	5,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ HOA

Giới tính: Nữ

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 20/08/1980

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 111522653

Ngày cấp: 31/07/2010 Nơi cấp: Công an Thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Phúc Lâm, Xã Phúc Lâm, Huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Căn hộ số 2036, Tòa CT10B, Khu đô thị Đại Thanh, Xã Tả Thanh Oai, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội